

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-9-2021

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phần

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thanh Thảo

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 154/2021/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021; Thông báo tạm dừng xét xử số 14/2021/TB-TA ngày 14 tháng 7 năm 2021; thông báo mở lại phiên tòa số 05/2021/TB-TA ngày 16 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vi Thị Thúy H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đội 2, Thôn Q, xã V, huyện H, thành phố N.

Bị đơn: Anh Lưu Công Đ, sinh năm 1990

Địa chỉ: Đội 2, Thôn Q, xã V, huyện H, thành phố N.

Chỗ ở hiện nay: Lô 10G, khu dân cư T1, phường A, thành phố S, tỉnh T.

Chị Vi Thị Thúy H và anh Lưu Công Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Vi Thị Thúy H có đơn yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án chị H trình bày ý kiến:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ tổ chức đám cưới vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh P vào ngày 10/10/2012. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả 02 bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường cãi nhau, mặc dù cố gắng nhưng vẫn không tìm được giải pháp đoàn tụ. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lưu Vi Tuệ A1, sinh ngày 24/9/2013 và Lưu Quang A2, sinh ngày 07/8/2016 (Hiện các con đang sống với chị H). Khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi 02 con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Lưu Công Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị H tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2012 UBND xã T1, huyện B, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên nhà riêng của anh chị ở N. Quá trình chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm thường xuyên cãi vã, sống không có hạnh phúc. Từ năm 2015 vợ chồng sống ly thân. Chị H sống ở N, anh Đ thì đi làm nhiều nơi và từ năm 2020 anh Đ làm việc và sinh sống ở thành phố S, tỉnh T đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh Đ cũng có liên lạc và về thăm con nhưng tình cảm giữa vợ chồng thì không còn. Nay nhận thấy vợ chồng không thể trở lại tiếp tục chung sống nên nay anh Đ đồng ý ly hôn với chị H.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lưu Vi Tuệ A1, sinh ngày 24/9/2013 và Lưu Quang A2, sinh ngày 07/8/2016 (Hiện các con đang sống với chị H). Khi ly hôn, anh Đ đồng ý giao 02 con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Tại bản khai ngày 11/05/2021 con của chị H và anh Đ là cháu Lưu Vi Tuệ A1, sinh ngày 24/9/2013 trình bày: Khi cha mẹ ly hôn và không còn sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị H.

Ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về Hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa chị Vi Thị Thúy H và anh Lưu Công Đ.

- Về nuôi con chung: Đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cho chị H nuôi dưỡng 02 con chung tên Lưu Vi Tuệ A1, sinh ngày 24/9/2013 và Lưu Quang A2, sinh ngày 07/8/2016. Anh Đ cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại khu dân cư khóm T1, phường A, thành phố S, tỉnh T. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vi Thị Thúy H và bị đơn là anh Lưu Công Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Đ chung sống vợ chồng từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2012 tại UBND xã T1, huyện B, tỉnh P. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Đ được xác định là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị H và anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai đã cố gắng nhưng vẫn không thể nào trở lại tiếp tục chung sống. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn anh Đ, anh Đ đồng ý ly hôn chị H, là có căn cứ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh, điều kiện đường xá xa xôi nên chị H và anh Đ có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Đ đã thực sự trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài,

nên việc chị H yêu cầu ly hôn anh Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ chung sống có 02 con chung tên Lưu Vi Tuệ A1, sinh ngày 24/9/2013 và Lưu Quang A2, sinh ngày 07/8/2016, hiện các con đang sống với chị H. Khi ly hôn, chị H và anh Đ thỏa thuận: Chị H được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung sau ly hôn. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị H và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Tuệ Anh, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc các con, không ai được cản trở là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình..

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lưu Công Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi 02 cháu Tuệ A1 và Quang A2 thành niên đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh Đ, không trái với quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Đ xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vi Thị Thúy H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật. Anh Lưu Công Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, **Điều 228** Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị Thúy H. Cho ly hôn giữa chị Vi Thị Thúy H và anh Lưu Công Đ.

2. *Về nuôi con chung:*

Chị Vi Thị Thúy H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con 02 con chung tên Lưu Vi Tuệ A1, sinh ngày 24/9/2013 và Lưu Quang A2, sinh ngày 07/8/2016, hiện các con đang sống với chị H.

Anh Lưu Công Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc 02 con, không ai được cản trở.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh Lưu Công Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 cháu Lưu Vi Tuệ A1 và Lưu Quang A2 thành niên đủ 18 tuổi.

4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Vi Thị Thúy H và anh Lưu Công Đ xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

5. *Về án phí*: Chị Vi Thị Thúy H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp ngày 19/5/2021 theo biên lai thu số 0013747 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh T, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Anh Lưu Công Đ nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng nuôi) con tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S, tỉnh T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP S;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TP S;
- UBND xã T1, huyện B, tỉnh P;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Tòa án Tỉnh;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- UBND xã Đông Thành, huyện Đông Ba
Tỉnh Phú Thọ;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

